TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/LĐ–ST
Ngày: 30-9-2025
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Minh Thanh

Ông Nguyễn Khắc Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2025/TLST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1879/2025/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2774/2025/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, đường số B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn O (vắng mặt)

Trụ sở: 24 N, phường H (trước đây thuộc Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nguyễn Hiếu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ hộ khẩu: 14.1 Lầu 14, Khối E Chung cư T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện tại: 14-1 Chung cư S, Khu phố A, đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội cơ sở Hạnh Thông (trước đây là Bảo hiểm xã hội quận G).

Trụ sở: 135 P, phường H (trước đây thuộc Phường C, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền số 583A/GUQ-BHXH ngày 16/4/2025). (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh C trình bày:

Ngày 06/05/2024, bà C và Công ty TNHH O cùng ký kết hợp đồng lao động số 189/HĐTV–OVX với thông tin cụ thể sau: Loại Hợp đồng xác định thời hạn kể từ ngày 06/5/2024 đến hết ngày 06/5/2026; địa điểm làm việc: B N, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; chức danh chuyên môn: Nhân viên M – Truyền thông; chức vụ: Nhân viên Media; thời giờ làm việc: Từ thứ hai đến hết thứ sáng thứ bảy; mức lương chính thức: 8.500.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám triệu năm trăm nghìn đồng), được áp dụng từ ngày 07/5/2024 (Mức lương này đã trừ tiền nộp bảo hiểm xã hội của người lao động).

Đến tháng 7/2024, do nhu cầu công việc nên phía Công ty TNHH O đã đề nghị giảm bớt thời giờ làm việc hàng tuần, cụ thể người lao động sẽ làm việc từ sáng thứ hai đến hết ngày thứ sáu trong tuần, đồng nghĩa với đó là việc điều chỉnh mức lương chính thức xuống còn 7.870.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) (Mức lương này đã trừ tiền nộp bảo hiểm xã hội của người lao động). Hai bên ký kết lại Hợp đồng lao động số 189/HĐTV – OVX vào ngày 04/10/2024.

Ngày 04/10/2024, hai bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng lao động số 189 kể từ ngày 04/10/2024 theo Thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tại Thoả thuận chấm dứt Hợp đồng lao động thể hiện rõ trách nhiệm của Người sử dụng lao động đó là hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, trả sổ bảo hiểm xã hội sau khi bảo hiểm xã hội gửi sổ về.

Trong suốt quá trình làm việc tại Công ty, phía Công ty TNHH O thực hiện trả lương đầy đủ cho bà C hàng tháng như đã trình bày trên. Tuy nhiên, đến ngày 10/04/2025, Công ty TNHH O mới gửi Sổ bảo hiểm cho bà C, số sổ bảo hiểm xã hội 7937289322 do Cơ quan bảo hiểm xã hội quận G cấp ngày 30/09/2024. Nhưng cho đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH O vẫn không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà C kể từ thời điểm tôi bắt đầu làm việc tại Công ty (ngày 07/05/2024) đến ngày chấm dứt Hợp đồng lao động (ngày 04/10/2024). Đồng thời, Công ty TNHH O cũng không thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi chấm dứt hợp đồng lao động. Mức lương các bên cùng thỏa thuận đóng bảo hiểm xã hội là 5.500.000 đồng/ tháng.

Vì vậy, bà C khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty TNHH O hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 05/2024 đến hết tháng 9/2024.

2. Buộc Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 05/2024 đến tháng 09/2024 với mức lương căn cứ để đóng BHXH là 5.500.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Tháng 5, tháng 6 với mức lương 8.500.000 VNĐ số tiền là: (8.500.000 VNĐ x 32% x 2 tháng) – 315.000 = 5.125.000 VNĐ;

(315.000 đồng là số tiền BHXH bà C còn thiếu khi đóng BHXH với mức lương 8.500.000 đồng, do Công ty đã trừ của bà C mỗi tháng 577.500 đồng, tức 10,5% của mức lương đóng BHXH mà công ty đăng ký là 5.500.000 đồng).

+ Tháng 7, tháng 8, tháng 9 với mức lương 7.870.000 VNĐ số tiền là: (7.870.000 VNĐ x 32% x 3 tháng) – 248.850 = 7.306.350 VNĐ;

(248.850.000 đồng là số tiền BHXH bà C còn thiếu khi đóng BHXH với mức lương 7.870.000 đồng, do Công ty đã trừ của bà C mỗi tháng 577.500 đồng, tức 10,5% của mức lương đóng BHXH mà công ty đăng ký là 5.500.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội cho tôi từ tháng 05/2024 đến tháng 09/2024 là 12.431.350 đồng.

Ngày 01/7/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L Chuyên nộp đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện cho Tòa án, xác định do trước đây các bên có thỏa thuận mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 5.500.000 đồng. Do đó, nguyên đơn trình bày lại đơn khởi kiện và yêu cầu các nội dung như sau:

1. Buộc Công ty TNHH O hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà C kể từ tháng 05/2024 đến hết tháng 9/2024.

2. Buộc Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 05/2024 đến tháng 09/2024 với mức lương căn cứ để đóng BHXH là 5.500.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Tháng 5, tháng 6 với mức lương 5.500.000 VNĐ số tiền là: (5.500.000 VNĐ x 32% x 5 tháng) = 8.800.000 VNĐ

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 05/2024 đến tháng 09/2024 tạm tính là 8.800.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở H (trước đây là Bảo hiểm xã hội quận G) có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Căn cứ dữ liệu đang quản lý, Công ty TNHH O, địa chỉ tại Số B N, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số thuế: 0313258159, mã đơn vị: TW3549M; đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị Linh C, CCCD số 079302034503, sinh ngày 28/08/2002, mã số BHXH 7937289322, chức danh Nhân viên từ tháng 08/2024 đến tháng 04/2025 với mức lương 5.500.000 đồng. Công ty chưa lập hồ sơ báo giảm bà C nghỉ việc. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 05/2023. Công ty còn nợ tiền từ tháng

06/2023. Ngoài ra, bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn O và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Nguyễn Hiếu T. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L Chuyên có mặt, xác định công ty đã trích một phần tiền lương là 577.500 đồng của mình để tham gia BHXH nhưng thực tế công ty vẫn không thực hiện như thỏa thuận. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu theo đơn khởi kiện và các trình bày theo văn bản nộp ngày 01/7/2025 đã nộp cho Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 51/CV-VKS ngày 04/9/2025 gửi Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xác định không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội.

Căn cứ phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 10/02/2025 có cơ sở xác định bị đơn có trụ sở tại quận G (nay thuộc phường G). Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn O và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Nguyễn Hiếu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn O và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Nguyễn Hiếu T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài

liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét, quan hệ lao động của các đương sự được thực hiện tại thời điểm Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn để điều chỉnh, giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH O hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 05/2024 đến hết tháng 9/2024, với mức lương căn cứ để đóng BHXH là 5.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, giữa bà Nguyễn Thị Linh C và Công ty TNHH O có ký kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn từ tháng 05/2024 đến tháng 05/2026 với mức lương là 7.870.000 đồng/ tháng. Nguyên đơn xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, các bên đã thỏa thuận mức tiền lương để đóng bảo hiểm xã hội là 5.500.000 đồng/tháng. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ lao động, có thỏa thuận về tiền lương, về mức đóng bảo hiểm theo quy định Bộ luật Lao động 2019, Luật BHXH năm 2014. Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Linh C và Công ty TNHH O có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ngày 04/10/2024, có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Linh C và Công ty TNHH O đã chấm dứt quan hệ lao động từ ngày 04/10/2024.

Nguyên đơn trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH O đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động, cụ thể Công ty không đóng BHXH cho bà C từ tháng 05/2024 đến tháng 09/2024. Mặc dù, thực tế hàng tháng phía công ty đã trừ một phần tiền lương của bà C, cụ thể là 577.500 đồng để tham gia BHXH bắt buộc. Tuy nhiên, bị đơn lại không thực hiện việc đóng BHXH cho bà C theo thỏa thuận.

Xét ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở Hạnh Thông (trước đây là Bảo hiểm xã hội quận G) xác định Công ty TNHH O có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị Linh C, CCCD số 079302034503, sinh ngày 28/08/2002, mã số BHXH 7937289322, chức danh Nhân viên từ tháng 08/2024 đến tháng 04/2025 với mức lương 5.500.000 đồng. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo

hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 05/2023. Công ty còn nợ tiền từ tháng 06/2023. Công ty chưa lập hồ sơ báo giảm bà C nghỉ việc.

Từ các nhận định trên, có cơ sở xác định Công ty TNHH O không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh C về việc buộc Công ty TNHH O có nghĩa vụ đóng BHXH cho mình từ tháng 05/2024 đến hết tháng 09/2024 trên mức lương 5.500.000 đồng/tháng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 6, Điều 13, Điều 20, Điều 21, Điều 48, Điều 168 Bộ luật lao động năm 2019;

- Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Linh C.

Buộc Công ty TNHH O phải đóng tiền Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp còn nợ cho bà Nguyễn Thị L Chuyên vào tài khoản thu của Bảo hiểm xã hội cơ sở H (trước đây là Bảo hiểm xã hội quận G) để chốt sổ BHXH cho bà Nguyễn Thị L Chuyên với thời gian đóng từ tháng 05 năm 2024 đến hết tháng 09 năm 2024 trên mức lương là 5.500.000 đồng/tháng.

2. Về án phí:

Công ty TNHH O phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Linh C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh